TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132**/2021/HNGĐ-ST
Ngày **27/9/2021**
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

Ông Hoàng Văn Khánh - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 24/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2021và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2001/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thuẫn, xã Bảo Đài, huyện LN, tỉnh B.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Thanh T – sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng: thôn Thuẫn, xã Bảo Đài, , huyện LN, tỉnh B.

Hiện nay đang ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng kí kết hôn ngày 29/12/2017 tại UBND xã Bảo Đài, huyện LN, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống tại xã Bảo Đài. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Đỉnh điểm là gần ngày anh T đi nước ngoài ngày 16/03/2020 thì vợ chồng có xảy ra cãi vã về công việc gia đình, bất đồng quan điểm sống. Đến ngày 29/4/2020 vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 18/01/2019. Khi ly hôn chị Đoàn Thị Thu T đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng theo quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Thanh T tại thôn Thuẫn, xã Bảo Đài, , huyện LN, tỉnh B .

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua thân nhân là mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị Chinh, sinh năm 1960 ở địa chỉ: thôn Thuẫn, xã Bảo Đài, huyện LN, tỉnh B, có quan điểm trình bày như sau:

Bà là mẹ đẻ của anh T có địa chỉ như trên, hiện nay anh T đang đi lao động tại nước ngoài không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình bà thông qua mạng xã hội. Tòa án có yêu cầu bà cung cấp tài liệu chứng là địa chỉ cư trú của anh T nhưng do bà không biết ở đâu nên bà không cung cấp được. Tòa án yêu cầu gia đình bà thông báo để anh T gửi quan điểm về thì gia đình bà từ chối thực hiện. Về việc chị T xin ly hôn thì anh T có nói cho bà biết quan điểm là:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: 01 con chung là cháu Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 18/01/2019. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng thì anh T đồng ý để chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T xin vắng mặt và không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đoàn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T. Về con chung: căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 18/01/2019 cho chị Đoàn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tài sản chung, công nợ chung: chị T trình không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Đoàn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Đoàn Thị Thu T là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Thanh T. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Thuẫn, xã Bảo Đài, huyện LN, tỉnh B nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 18729/QLXNC-P5 ngày 23/8/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Nguyễn Thanh T đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 11/02/2020, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh T. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về con chung" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị T xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh T cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị Thuỷ.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Theo lời trình bày của chị T: Chị và anh Nguyễn Thanh T có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng kí kết hôn ngày 29/12/2017 tại UBND xã Bảo Đài, huyện LN, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống tại xã Bảo Đài. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Đỉnh điểm là gần ngày anh T đi nước ngoài ngày 16/03/2020 thì vợ chồng có xảy ra cãi vã về công việc gia đình, bất đồng quan điểm sống. Đến ngày 29/4/2020 vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Thông qua người thân thích anh T đồng ý ly hôn với chị Đoàn Thị ThuT.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh T là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Đoàn Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh T và chị T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị Đoàn Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đoàn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Đoàn Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 18/01/2019. Sau khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

[4.2]. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh T không có mặt tại gia đình mà đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Do đó anh T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Để đảm bảo quyền lợi của các con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày 18/01/2019 cho chị Đoàn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

[4.3]. Các quyền khác về con chung sau khi ly hôn:

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Trường hợp anh Nguyễn Thanh T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị T trình bày không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Đoàn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Gia Hưng, sinh ngày

18/01/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Nguyễn Thanh T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000078 ngày 20/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Thanh T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Đoàn Thị Thu T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
-UBND xã Bảo Đài, huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hường